

chương 1: ngân sách nhà nước

(1) (1) đ/n:

nsnn là hệ thống quan hệ kt phát sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính của xh để tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ của nn nhằm thực hiện các chức năng của nn.

(2) (2) bản chất

- + toàn bộ khoản thu chi trong một năm
- + nsnn với dn
- + nsnn với hành chính sự nghiệp
- + nsnn với tầng lớp dân cư
- + nsnn với thị trường tài chính.

(3) (3) vai trò của nsnn

- + quản lý điều tiết kinh tế vĩ mô từ nền kt-xh:
- + kích thích tăng trưởng kt
- + điều tiết w giá cả và chống lạm phát suy thoái
- + điều tiết thu nhập dân cư góp phần thực hiện công bằng xh.

(4) (4) hệ thống ngân sách nhà nước

4 cấp:

- + w
- + tỉnh, thành phố thuộc w
- + thành phố thuộc tỉnh, quận huyện, thị xã
- + thị trấn phường xã.

nguyên tắc quan hệ của các cấp:

- + phân định nhiệm vụ thu chi của từng cấp
- + cơ chế cấp trên bổ xung cho cấp dưới
- + uỷ quyền thu chi của cấp trên cho cấp dưới
- + trường hợp đặc biệt.

nguyên tắc quản lý hệ thống nsnn:

- + tập trung dân chủ
- + công khai phân công trách nhiệm
- + theo điều hành của quốc hội và chính phủ.
- + **thuế** thu từ phí lệ phí, khác
- + tập trung về kho bạc nhà nước.

phân cấp quản lý: bằng các quy phạm pl, 4 cấp. pc về chính sách, chế độ tiêu chuẩn định mức tài chính, phân cấp về vật chất thu chi, pc về chu trình ngân sách.

- + tổng thu lớn hơn tổng chi
- + bội chi phải nhỏ hơn chi đầu tư phát triển
- + sử dụng khoản vay phải có kế hoạch thu hồi
- + trường hợp nhu cầu địa phương lớn chờ cấp trên duyệt, hay huy động vốn từ bên ngoài.

(5) (5) thu ngân snn

(a) (a) **thu thuế:**

thuế là gì?

phân loại:

theo tính chất gồm: thuế trực thu và thuế gián thu.

theo đối tượng đánh thuế gồm: thuế đánh vào hoạt động sxkd, dv, hh, thu nhập, tài sản.

các yếu tố cấu thành luật thuế:

- + tên gọi của thuế-đối tượng của thuế
- + đơn vị tính thuế
- + biểu thuế-thuế suất
- + giá tính thuế và chế độ ưu đãi.

hệ thống thuế ở vn:

thuế giá trị gia tăng

(gián thu: thu vào hh dv trong quá trình luân chuyển cho đến tay người tiêu dùng. từng công đoạn người bán hh dv thu thuế người mua tại thời điểm bán. thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của hh dv).

căn cứ tính: (giá tính thuế: giá chưa có thuế giá trị gia tăng, đối với hh dv nhập khẩu thì công thêm thuế nhập khẩu. giá hh dv tính bằng ngoại

tệ thì đổi sang tiền vn theo giá hiện hành của ngân hàng w) thuế suất (0%, 5%, 10%, 20%).

+ thuế gtgt phải nộp tính theo pp khấu trừ.

+ phạm vi áp dụng rộng.

+ đánh không trùng lặp.

+ thu trên nhiều công đoạn nhưng đánh thuế một lần.

thuế tiêu thụ đặc biệt:

thu vào hh dv được liệt kê trong danh mục. gián thu, thuế được gộp vào giá bán, chỉ chịu thuế một lần ở khâu sxkd dv và nhập khẩu. giá tính với hh trong nước là giá của cơ sở sxkd bán ra chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, nhập khẩu thì công thêm thuế nhập khẩu, dịch vụ là giá cung ứng dv chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt.

thuế xuất khẩu và nhập khẩu:

thuế thu vào từ hoạt động mậu dịch và phi mậu dịch, xuất nhập khẩu qua biên giới vn, trong khu chế xuất ra w trong nước và trong nước vào khu chế xuất. giá tính thuế đối với xuất (là giá tại cửa khẩu giá hàng cộng chi phí lưu thông cộng lợi nhuận của tổ chức kinh doanh không gồm vận tải, bảo hiểm) nhập (giá mua của khách hàng tại cửa nhập khẩu, gồm giá hàng cộng chi phí vận tải, bảo hiểm) dựa trên số lượng từng mặt hàng để tính thuế.

thuế thu nhập doanh nghiệp:

trực thu được đánh vào thu nhập của các chủ thể hoạt động sxkd, trong và ngoài nước. tính trên khoản thu nhập của doanh thu sau khi trừ các chi phí, đánh phần trăm trên thu nhập.

thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao:

trực thu, đối tượng là công dân vn và công dân khác định cư ở vn. đánh trên thu nhập thường xuyên và không thường xuyên bằng phần trăm thu nhập.

thuế khác:

(sử dụng đất, tài nguyên, nhà đất, chuyển quyền sử dụng

(b) (b) **thu từ các hoạt động kinh tế của nn:**

nhà nước đầu tư vào sxkd, dv và thu lợi về, tham gia vốn vào các dn trong và ngoài nước, liên doanh, lợi tức cổ phần, thu từ bán tài sản của nn, nn cho thuê tài sản, từ sử dụng vốn ngân sách nn.

(c) (c) **lệ phí:**

là khoản thu bắt buộc với các pháp nhân và thể nhân cho hoạt động hành chính đóng góp cho ngân sách nn,

(d) (d) **phí:**

thu từ các hoạt động thường xuyên, bất thường và dịch vụ công cộng, để bù đắp kinh phí cho hạ tầng kt-xh.

(e) (e) vay và viện trợ:

chính phủ vay nợ (ngắn hạn trung hạn và dài hạn)

ở trong nước:

tín phiếu kho bạc (trái phiếu chính phủ ngắn hạn, thu cho ngân sách tạm thời) trái phiếu kho bạc (trái phiếu chính phủ trung và dài hạn, giải quyết bội chi ngân sách nhà nước) trái phiếu công trình (trái phiếu chính phủ trung và dài hạn, vốn cho công trình nn) phương thức đấu thầu (làm trái phiếu tiêu thụ nhanh, nhanh chóng vốn vào ngân sách) phương thức tiêu thụ qua đại lý (là các ngân hàng thương mại, công ty tài chính làm đại lý) phương thức phát hành trực tiếp (kho bạc nhà nước tự tổ chức, tốn kém...) vay nợ nước ngoài: hiệp định vay nợ giữa hai chính phủ, với các tổ chức tài chính, phát hành trái phiếu chính phủ ra nước ngoài.

viện trợ không hoàn lại:

là một hình thức đầu tư quốc tế gián tiếp, nguồn vốn quan trọng cho kênh huy động trong nước.

(6) (6) chi ngân sách

(a) (a) chi thường xuyên:

- + chi sự nghiệp kt
- + chi sự nghiệp văn hoá xã hội
- + chi quản lý nhà nước
- + chi quốc phòng an ninh và an toàn xh

(b) (b) chi đầu tư phát triển:

- + xd ctrình kết cấu hạ tầng kt-xh
- + chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các dn nhà nước
- + chi góp vốn cổ phần liên doanh vào các doanh nghiệp
- + chi cho quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và các quỹ hỗ trợ phát triển
- + chi dự trữ nhà nước

(c) (c) chi trả nợ do chính phủ vay.

(7) (7) quá trình ngân sách

hình thành ngân sách:

lập ngân sách (lập dự toán thu chi trước năm tài chính, kiểm tra về dự toán nsnn, kết quả thực hiện của thu chi năm trước, của các cấp sau đó chính phủ điều chỉnh và trình quốc hội. quốc hội phê chuẩn) công bố nsnn (sau khi quốc hội phê chuẩn thì công bố mang tính thủ tục)

chấp hành ngân sách:

chấp hành thu – chấp hành chi ngân sách nhà nước.

kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước:

đánh giá kiểm tra lại quá trình chấp hành của nsnn, theo số thực thu thực chi.

(8) cách xử lý bội chi ngân sách nn

tác hại?

bc là hiện tượng thu lớn hơn chi, xảy ra khi các khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán, hay nn đầu tư lớn, chi đột xuất quá nhiều.

+ khống chế từ đầu bội chi (5% chặn hạn), rồi giới hạn mức vay, lập kế hoạch chi lâu dài.

+ các khoản thu phải xác định trên cơ sở tăng trưởng chắc chắn và ổn định

+ lập quỹ dự phòng chi đột xuất

+ nn cần tiết kiệm trong tiêu dùng, tích lũy để đầu tư

+ không bội chi cho tiêu dùng chỉ bội chi cho đầu tư phát triển

+ quản lý chặt trong việc chi

+ vận động viện trợ, không vay ngắn hạn..